TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HSST
Ngày 25/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Mai Xuân Đừng

-Thư ký phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn –Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/20187/QĐST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Y D KTUL**. Tên gọi khác: B –Sinh năm 1996. Tại tỉnh: Đắk Lắk.

Nơi ĐKNK thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Tin lành; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Văn V (Đã chết); Con bà: H'S Ktul, sinh năm: 1971. Hiện trú tại: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có bốn chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ là H'P Mlô, sinh năm 1994; Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015, hiện trú tại: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án: Có 02 tiền án.

-Ngày 21/5/2013 bị Toà án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản.

-Ngày 29/02/2016 bị Toà án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm tù về hành vi Trộm cắp tài sản, ngày 03/12/2016 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B – Có mặt.

-*Người bị hại:*

1. Anh Nguyễn Văn Q - sinh năm 1987

Trú tại: Lô F2-1 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk –Có mặt.

2. Cháu Võ Văn Đ –Sinh ngày 24/4/2001 –Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Võ Văn Đ: Chị Võ Thị Y –Sinh năm 1971

Cùng trú tại: Liên gia 4, tổ dân phố 6, phường T, thành phố B –Vắng mặt

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.Anh Lê Đình L –Sinh năm 1991

Địa chỉ: 66 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk –Vắng mặt.

2.Anh Y H Ayun –Sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 4, khối 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk –Vắng mặt.

3.Anh Đỗ Quang T –Sinh năm 1976

Địa chỉ: 384 V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk –Vắng mặt.

-*Người làm chứng:* Anh Y T Niê (Đ) –Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk –Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ 00 ngày 02/6/2017, Y D Ktul một mình đi bộ dọc các con đường trong khu vực gần trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn D thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mục đích tìm nhà nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà anh Nguyễn Văn Q - sinh năm 1987 tại Lô F2-1 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Y D quan sát thấy không có ai ở nhà nên tìm cách đột nhập vào trong nhà để trộm cắp tài sản. Lúc này thấy cửa cổng và cửa nhà đều khóa chắc chắn, không thể đột nhập được vào bên trong nên Y D đi dọc hông nhà thì phát hiện cửa sổ phòng ngủ giáp với phòng khách được làm bằng kính, bên trong được bảo vệ bằng song sắt. Y D liền sử dụng chiếc kìm mang theo trong người đập vỡ phần kính phía dưới của cánh cửa sổ sau đó thò thay vào bên trong để mở chốt cánh cửa sổ ra. Sau khi mở được cánh cửa sổ Y D thò tay qua khung sắt bảo vệ kéo chiếc tủ nhựa để sát với cửa sổ để xoay mặt trước của chiếc tủ nhựa lại gần với cửa sổ nhằm lục soát tìm tài sản bên trong chiếc tủ nhựa để trộm cắp. Lúc này Y D kéo 02 ngăn tủ ở phía

trên ra thì thấy trong ngăn tủ phía trong có 01 túi ni lông đựng tiền nên lấy và mang ra ngoài. Trong túi ni lông này anh Q để số tiền 339.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu đồng) thì Y D chỉ lấy 148.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 200.000 đồng và 100.000 đồng, số tiền rời rạc trong các xấp tiền còn lại Y D không lấy mà bỏ lại vào trong túi ni lông rồi cất vào trong ngăn kéo. Y D tiếp tục lục ngăn kéo sát cửa sổ thì thấy có một xấp tiền gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau. Trong xấp tiền này có 33.083.000 đồng (Ba mươi ba triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng), Y D rút một xấp tiền ở phía trên được số tiền 27.263.000 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng), số tiền còn lại Y D bỏ vào trong ngăn kéo không lấy. Tổng số tiền Y D trộm cắp được của anh Q là 175.763.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng). Sau khi trộm cắp được tài sản của anh Nguyễn Văn Q, Y D vứt lại chiếc kìm ở sát tường nhà anh Q rồi cất dấu số tiền trộm cắp được vào trong người và đi về nhà. Đến khoảng 6 giờ ngày 03/6/2017 Y D rủ Y T Niê - sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đi đến tiệm sửa chữa xe môtô của anh Đỗ Quang T, sinh năm 1976, trú tại 384 V, phường K, thành phố B - tỉnh Đắk Lắk mua lại chiếc xe môtô nhãn hiệu Suzuki RGV-120, biển kiểm soát 59B1-124.xx của anh Đỗ Quang T với giá 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) để làm phương tiện đi lại. Số tiền còn lại Y D cất giữ, mua ma túy để sử dụng và tiêu xài hết. Sau khi tiêu xài hết số tiền trộm cắp được thì đến ngày 21/07/2017 Y D bán lại chiếc xe trên cho anh Lê Đình L - sinh năm 1991, trú tại 189 Y M Ênuôl, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với giá 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) để lấy tiền tiếp tục tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 22 giờ 30’ ngày 02/8/2017 Y D Ktul tiếp tục đập cửa kính phòng khách của nhà anh Nguyễn Văn Q và trộm cắp được số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) trong ngăn kéo của chiếc bàn vi tính để ở phòng khách, tuy nhiên do tài sản bị mất nhỏ nên anh Nguyễn Văn Q không trình báo với cơ quan Công an.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 14/8/2017, Y D Ktul đi bộ ngang qua nhà của chị Võ Thị Y, sinh năm 1971, trú tại Liên gia 4, tổ dân phố 6, phường T, thành phố B (là hàng xóm gần nhà với Y D Ktul) thì nhìn thấy chị Y chuẩn bị đi ra ngoài còn cháu Võ Văn Đ - sinh năm 2001 là con của chị Y đang ở một mình trong nhà. Lúc này Y D Ktul nhớ lại sự việc trước đây từng bị chị Y chửi nên Y D lấy 01 chiếc kìm điện dấu vào trong áo phía trước bụng chờ chị Y đi ra khỏi nhà thì Y D đi vào trong nhà của chị Y mục đích để hù dọa cháu Đ. Khi đi vào trong nhà thấy Đ đang ngồi ở khu vực bàn trang điểm phía bên phải từ bên ngoài vào Y D liền hỏi Đ là "Mẹ mày đâu?" Đ trả lời là "Mẹ em đi ra ngoài". Nghe vậy Y D liền nói "Mẹ mày kiện tao phải không?". Cháu Đ trả lời là “Mẹ em kiện gì anh đâu”. Lúc này Y D nhìn thấy trong ngăn kéo của chiếc bàn mà cháu Đ đang đứng gần có một sợi dây xạc điện thoại cắm vào trong ổ điện gần đó thì Y D biết là trong ngăn kéo có để điện thoại di động đang xạc pin nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài. Y D thò tay vào

trong ngăn kéo lấy được 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Core Prime màu trắng ra và cầm trên tay. Thấy Y D Ktul lấy chiếc điện thoại cầm trên tay thì cháu Đ nói là "Điện thoại của mẹ em", Y D nói: "Cho tao mượn một chút". Nói xong Y D định bỏ chiếc điện thoại vào trong túi quần thì cháu Đ biết Y D định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên nên cháu Đ nói với Y D là "Điện thoại của mẹ em, anh không được lấy" Y D liền giơ chiếc kìm bên trong áo nhô ra phía trước bụng và đe dọa cháu Đ "Mày im lặng không tao bắn", do thấy Y D dấu hung khí trong người nên cháu Đ sợ Y D có súng thật nên không dám chống cự lại. Y D cầm chiếc điện thoại trên bỏ vào trong túi quần rồi đi về Công viên nước, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, tháo 02 chiếc sim gắn bên trong chiếc điện thoại mới chiếm đoạt được vứt đi. Sau đó Y D vứt chiếc kìm sử dụng làm hung khí để đe dọa cháu Đ đi và tìm nơi tiêu thụ tài sản thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt khẩn cấp cùng tang vật là chiếc điện thoại Samsung Core Prime.

Tại bản kết luận định giá số 227/KLĐG ngày 08/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B xác định giá trị của: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại Core Prime, màu trắng, số Imei 1: 354202076780703, số Imei 2: 354203076780701 trị giá 1.400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 20/KSĐT-HS ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 133 và "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và theo nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Y D Ktul: Từ 05 năm đến 06 năm về tội "Trộm cắp tài sản" và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng về tội "Cướp tài sản".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội.

* Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại Core Prime, màu trắng cho chị Võ Thị Y là chủ sở hữu tài sản.

- Buộc bị cáo Y D Ktul bồi thường cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 176.363.000đ.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc kìm bằng kim loại màu trắng, cán kìm được bọc nhựa trong suốt, dài 16,5cm mà bị cáo Y D sử dụng để đập vỡ kính cửa sổ đột nhập vào nhà anh Nguyễn Văn Q.

Bị cáo Y D Ktul không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được rằng, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, luôn được pháp luật Nhà nước ta tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều bị trừng trị. Song, xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tham lam, tư lợi nên ngày 02/6/2017 Y D Ktul đã lợi dụng sơ hở khi anh Nguyễn Văn Q đi vắng, bị cáo đã sử dụng kìm điện đập vỡ kính cửa sổ, đột nhập vào nhà anh Q trộm cắp số tiền 175.763.000 đồng và ngày 02/8/2017 Y D tiếp tục trộm cắp số tiền 600.000 đồng. Tổng cộng số tiền Y D Ktul đã trộm cắp được của anh Nguyễn Văn Q là 176.363.000 đồng; Ngày 14/8/2017 Y D sử dụng hung khí đe dọa cháu Võ Văn Đ để chiếm đoạt một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại Core Prime, màu trắng trị giá 1.400.000 đồng của chị Võ Thị Y (mẹ cháu Đ). Khi Y D tìm nơi tiêu thụ chiếc điện thoại trên thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt khẩn cấp cùng tang vật.

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà.

Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, như vậy có đủ căn cứ để kết luận, quyết định truy tố bị cáo về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 133 và "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Y D Ktul phạm tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 và Trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 133 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm"

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến

dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng.

Bị cáo Y D Ktul là người có 02 tiền án, đã bị Tòa án nhân dân thành phố B xét xử về tội "Cướp giật tài sản" vào năm 2013 và tội "Trộm cắp tài sản" vào năm 2016, sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo vẫn không cải tạo bản thân mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, như vậy cũng đủ để thấy rằng khả năng tự cải tạo bản thân theo hướng tích cực của bị cáo là rất khó. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có đủ tác dụng răn đe với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[2]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nên việc nhận thức về pháp luật có phần hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo trong khi lượng hình, để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[3].Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Xét thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại Core Prime, màu trắng là tài sản của chị Võ Thị Y, vì vậy việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B trả lại cho chị Yến là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 176.363.000đ mà bị cáo đã trộm cắp của anh Nguyễn Văn Q, cần buộc bị cáo Y D Ktul phải bồi thường toàn bộ cho anh Nguyễn Văn Q theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 chiếc kìm bằng kim loại màu trắng, cán kìm được bọc nhựa trong suốt, dài 16,5cm mà bị cáo Y D sử dụng đập vỡ kính cửa sổ đột nhập vào nhà anh Nguyễn Văn Q để trộm cắp, xét thấy không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với chiếc xe môtô nhãn hiệu Suzuki RGV 120 gắn biển kiểm soát 59B1-124.56 là tài sản do Y D sử dụng số tiền trộm cắp được của anh Nguyễn Văn Q mua lại của anh Đỗ Quang T. Quá trình điều tra xác định số khung, số máy của chiếc xe trên bị thay đổi,

biển kiểm soát và giấy đăng ký xe là giả. Hiện nay chưa xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu của chiếc xe trên do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách chiếc xe trên ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh nguồn gốc, chủ sở hữu của chiếc xe trên, khi đủ căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình mua bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 59B1-124.56 Lê Đình L đã đưa cho Y D Ktul tổng số tiền 16.000.000đ, nhưng anh L không yêu cầu Y D trả lại số tiền hay chiếc xe trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi của anh Đỗ Quang T và Lê Đình L khi mua bán chiếc xe môtô biển kiểm soát 59B1-124.56 thì anh T mua lại của một người không rõ nhân thân lai lịch tại thành phố H, sau một thời gian sử dụng anh T đã bán lại chiếc xe trên cho Y D Ktul và Y D Ktul bán lại cho anh Lê Đình L. Anh T và anh L không biết nguồn gốc của chiếc xe trên và cũng không biết giấy đăng ký xe, biển kiểm soát xe là giả. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hành vi của anh T và L là phù hợp.

[4].Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Y D Ktul không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138, khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Y D KTUL 03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù về tội "Cướp tài sản" và **07** (bảy) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành là **10** (mười) năm **06** (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 15/8/2017.

Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại Core Prime, màu trắng cho chị Võ Thị Y là chủ sở hữu tài sản.

- Buộc bị cáo Y D Ktul bồi thường cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 176.363.000 đồng.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc kìm bằng kim loại màu trắng, cán kìm được bọc nhựa trong suốt, dài 16,5cm mà bị cáo Y D Ktul sử dụng đập vỡ kính cửa sổ đột nhập vào nhà anh Nguyễn Văn Q.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Y D Ktul phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 8.818.150đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo**:** Bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H'NĂM BKRÔNG

*__Nơi nhận__:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. B;
-Công an Tp. B;
-Chi cục THA DS Tp. B;
-Chánh án TAND Tp. B;
-Bị cáo;
-Người bị hại;
-Người có QLNVLQ;
-Lưu HS; VP.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H’Năm Bkrông